

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẾ GIỚI XE ĐỨC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THẾ GIỚI XE ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GERMANY CAR WORLD SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GERMANY CAR SERVICE AND TRADING., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109129869

**3. Ngày thành lập:** 17/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 20, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 3, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944108888

Fax:

Email: [Thegioixeduc@gmail.com](mailto:Thegioixeduc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.                                                                 | 4511(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                             | 4512        |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.                                                                   | 4513        |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                          | 4520        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.                                  | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.                                                                                   | 4541        |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                     | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.                                               | 4543        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>-Đại lý hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa) | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn chè;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.<br>- Bán buôn thực phẩm khác.            | 4632 |
| 11. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ uống có cồn;<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn.<br>(Theo Điều 12 Nghị định 105/2017/NĐ-CP quy định về Điều kiện bán buôn rượu)                                                                                                                                           | 4633 |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vải;<br>- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác;<br>- Bán buôn hàng may mặc;<br>- Bán buôn giày dép.                                                                                                                  | 4641 |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế.<br>(Theo Điều 33 Luật Dược năm 2016 quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược) | 4649 |
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.                                       | 4711 |
| 15. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719 |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721 |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | <p>Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia;</li> <li>- Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...;</li> <li>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.</li> </ul> <p>(Theo Điều 13 Nghị định 105/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện bán lẻ rượu )</p> | 4723 |
| 19. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4730 |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |
| 21. | <p>Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.</li> </ul> <p>(Theo Điều 33 Luật Dược năm 2016 quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược)</p>                                                               | 4772 |
| 22. | <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;</li> <li>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);</li> </ul> <p>(Theo Điều 13 Nghị định 86/2014/NĐ-CP quy định về Điều kiện chung kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).</p>                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 23. | <p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.</li> </ul> <p>(Điều 10 Nghị định 68/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm, làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan).</p>                                                                                                                                                                         | 5210 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5224 |
| 25. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh);</li> <li>- Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh;</li> <li>- Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                            | 5610 |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán cà phê, giải khát;<br>- Quán rượu, bia, quầy bar.<br>(Theo Điều 14 Nghị định 105/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện bán rượu tiêu dùng tại chỗ ) | 5630 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Theo Điều 28 Luật Thương mại 2005).                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ VĂN TRUNG | 403-Ct1- Tầng 4, Khu Nhà Ở Cao Cấp Skylight 125D Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    | 034084000064                                                                                |         |
|     |              |                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                                                             | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                                                             |                           |        |             |        |              |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | TẠ THỊ NGỌC MAI  | Phòng 8/1, Tầng 9, tháp 1-2, Chung cư Dolphin Plaza, số 28, Trần Bình, Tổ 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 | 001191005080 |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 |              |
| 3 | ĐỒNG THỊ LAN ANH | 403-Ct1- Tầng 4, Khu Nhà Ở Cao Cấp Skylight 125D Minh Khai, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 | 034192000021 |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 |              |
| 4 | NGUYỄN NAM THÀNH | Số 15, phố Tuy Hòa, Phường Trần Phú, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                                                          | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 | 030086007070 |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                                                                             | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 25,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NAM THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030086007070

Ngày cấp: 27/07/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 15, phố Tuy Hòa, Phường Trần Phú, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 8/1, Tầng 9, tháp 1-2, Chung cư Dolphin Plaza, số 28, Trần Bình, Tổ 8, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội